

BÁO CÁO

V/v Khảo sát tình hình việc học và việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Mục đích khảo sát

- Khảo sát khả năng chuyên môn và mức độ đáp ứng công việc của các sinh viên tốt nghiệp năm 2017 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2. Căn cứ thực hiện

- Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp;
- Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 (Giải pháp 1.5.2);
- Kế hoạch công tác Đảm bảo chất lượng năm học 2018-2019 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Phạm vi khảo sát, mẫu khảo sát, bảng hỏi

- Khảo sát được thực hiện đối với sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp năm 2016 gồm **1.957** sinh viên;
- Mẫu khảo sát: Tất cả sinh viên tốt nghiệp trong khoảng thời gian từ 01/01/2017 đến 31/12/2017.
- Bảng hỏi: Phụ lục 1.

3.2. Hình thức khảo sát:

- Khảo sát trực tuyến thông qua hệ thống LimeSurvey, Phòng Khảo thí & ĐBCL gửi email cho toàn bộ cựu sinh viên (email đã được cung cấp tại thời điểm tốt nghiệp) trong danh sách khảo sát để cung cấp đường link khảo sát và nhận lại dữ liệu khảo sát đã phản hồi.

- Sau khi hết thời gian khảo sát online, Phòng Khảo thí & ĐBCL kiểm tra lại số lượng sinh viên tốt nghiệp đã phản hồi của từng ngành đào tạo, trường hợp các ngành chưa đủ tỷ lệ sinh viên phản hồi thì Phòng Khảo thí & ĐBCL sẽ gọi điện thoại liên lạc trực tiếp với Cựu sinh viên để nhắc sinh viên tiếp tục thực hiện khảo sát online (nếu cựu sinh viên có thay đổi email thì cập nhật lại email mới và gửi lại đường link khảo sát qua email này).

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

1. Phân tích độ tin cậy của bảng hỏi

Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha theo từng nội dung trong phiếu khảo sát như sau:

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha	Số biến quan sát (Câu hỏi)
.917	11

Theo kết quả phân tích, hệ số Cronbach's Alpha = 0,917 chứng tỏ bảng hỏi có độ tin cậy tốt.

Câu hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Về kiến thức chuyên môn	31.77	53.291	.670	.909
Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	32.83	54.787	.554	.915
Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	32.12	53.600	.618	.912
Về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	32.15	53.857	.651	.910
Về kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn	32.28	51.752	.754	.905
Mức độ đáp ứng được công việc (không phải đào tạo lại)	32.40	51.737	.721	.907
Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu của trường	32.56	53.822	.591	.913

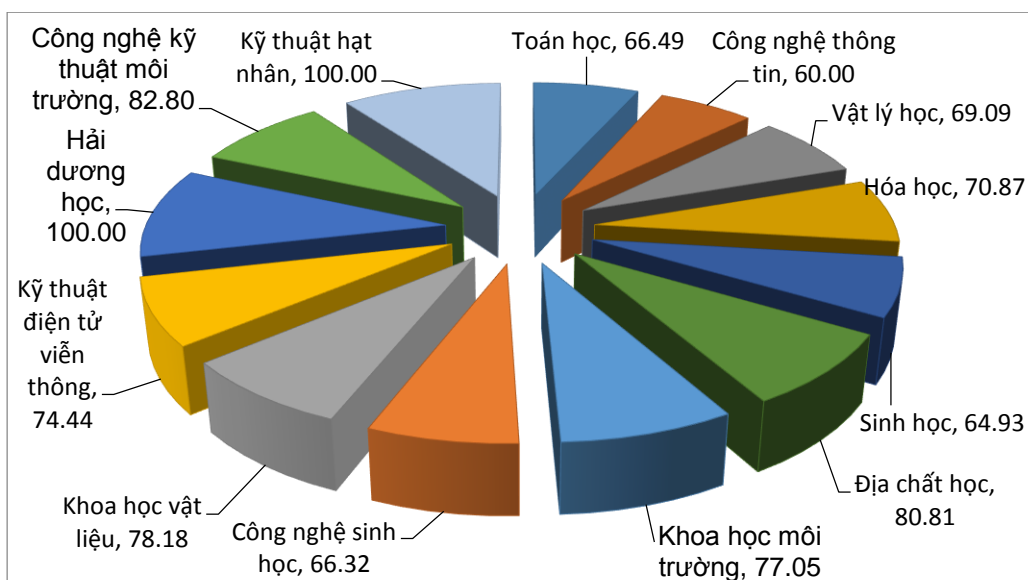
Câu hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Về sự phân bố và trình tự các môn học trong chương trình đào tạo của ngành học	32.21	52.721	.708	.907
Đánh giá mức độ hài lòng về ngành Anh/Chị đã học	31.90	51.922	.764	.904
Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Trường	31.92	53.098	.776	.905
Đánh giá chung về mức độ hài lòng của công việc	32.00	54.445	.631	.911

Hệ số Cronbach's Alpha của các câu hỏi dao động từ 0,904 đến 0,915 đảm bảo các câu hỏi trong bảng hỏi có độ tin cậy cao. Xét về tương quan thì tất cả các câu đều có hệ số tương quan với biến tổng > 0,5 nên có sự tương quan cao trong các nội dung khảo sát.

2. Phân tích số liệu khảo sát

2.1. Về số lượng sinh viên phản hồi khảo sát theo từng ngành đào tạo

Ngành	Số lượng sinh viên tốt nghiệp (Khảo sát)	Số lượng sinh viên phản hồi	Tỷ lệ % sinh viên tốt nghiệp phản hồi/Tổng sinh viên tốt nghiệp
Toán học	191	127	66.49
Công nghệ thông tin	365	219	60.00
Vật lý học	165	114	69.09
Hóa học	230	163	70.87
Sinh học	211	137	64.93
Địa chất học	99	80	80.81
Khoa học môi trường	122	94	77.05
Công nghệ sinh học	193	128	66.32
Khoa học vật liệu	110	86	78.18
Kỹ thuật điện tử viễn thông	133	99	74.44
Hải dương học	19	19	100.00
Công nghệ kỹ thuật môi trường	93	77	82.80
Kỹ thuật hạt nhân	26	26	100.00
Tổng	1,957	1,369	69.95



Trong đó, số lượng sinh viên tốt nghiệp năm 2017 được chia theo khóa tuyển như sau:

Ngành	2009		2010		2011		2012		2013		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Toán học		0.00	4	2.09	7	3.66	38	19.90	142	74.35	191
Công nghệ thông tin		0.00	5	1.37	16	4.38	50	13.70	294	80.55	365
Vật lý học		0.00		0.00	8	4.85	24	14.55	133	80.61	165
Hóa học		0.00	1	0.43	5	2.17	20	8.70	204	88.70	230
Sinh học		0.00	3	1.42	1	0.47	19	9.00	188	89.10	211
Địa chất học		0.00		0.00	7	7.07	23	23.23	69	69.70	99
Khoa học môi trường		0.00		0.00	4	3.28	4	3.28	114	93.44	122
Công nghệ sinh học	1	0.52	1	0.52	8	4.15	14	7.25	169	87.56	193
Khoa học vật liệu		0.00		0.00	7	6.36	10	9.09	93	84.55	110
Kỹ thuật điện tử viễn thông		0.00	3	2.26	10	7.52	26	19.55	94	70.68	133
Hải dương học		0.00		0.00		0.00	1	5.26	18	94.74	19
Công nghệ kỹ thuật môi trường		0.00		0.00	4	4.30	7	7.53	82	88.17	93
Kỹ thuật hạt nhân		0.00		0.00		0.00	2	7.69	24	92.31	26
Tổng	1	0.05	17	0.87	77	3.93	238	12.16	1,624	82.98	1,957

Dưới đây là số lượng sinh viên tốt nghiệp năm 2017 phản hồi khảo sát được chia theo khóa tuyển:

Ngành	2010		2011		2012		2013		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Toán học	2	1.57	3	2.36	20	15.75	102	80.31	127
Công nghệ thông tin	5	2.28	7	3.2	22	10.05	185	84.47	219
Vật lý học	0	0	5	4.39	18	15.79	91	79.82	114
Hóa học	0	0	3	1.84	11	6.75	149	91.41	163
Sinh học	1	0.73	0	0	9	6.57	127	92.7	137
Địa chất học	0	0	4	5	17	21.25	59	73.75	80
Khoa học môi trường	0	0	3	3.19	2	2.13	89	94.68	94
Công nghệ sinh học	0	0	2	1.56	6	4.69	120	93.75	128
Khoa học vật liệu	0	0	4	4.65	9	10.47	73	84.88	86
Kỹ thuật điện tử viễn thông	2	2.02	7	7.07	17	17.17	73	73.74	99
Hải dương học	0	0	0	0	1	5.26	18	94.74	19
Công nghệ kỹ thuật môi trường	0	0	3	3.9	2	2.6	72	93.51	77
Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	2	7.69	24	92.31	26
Tổng	10	0.73	41	2.99	136	9.93	1,182	86.34	1,369

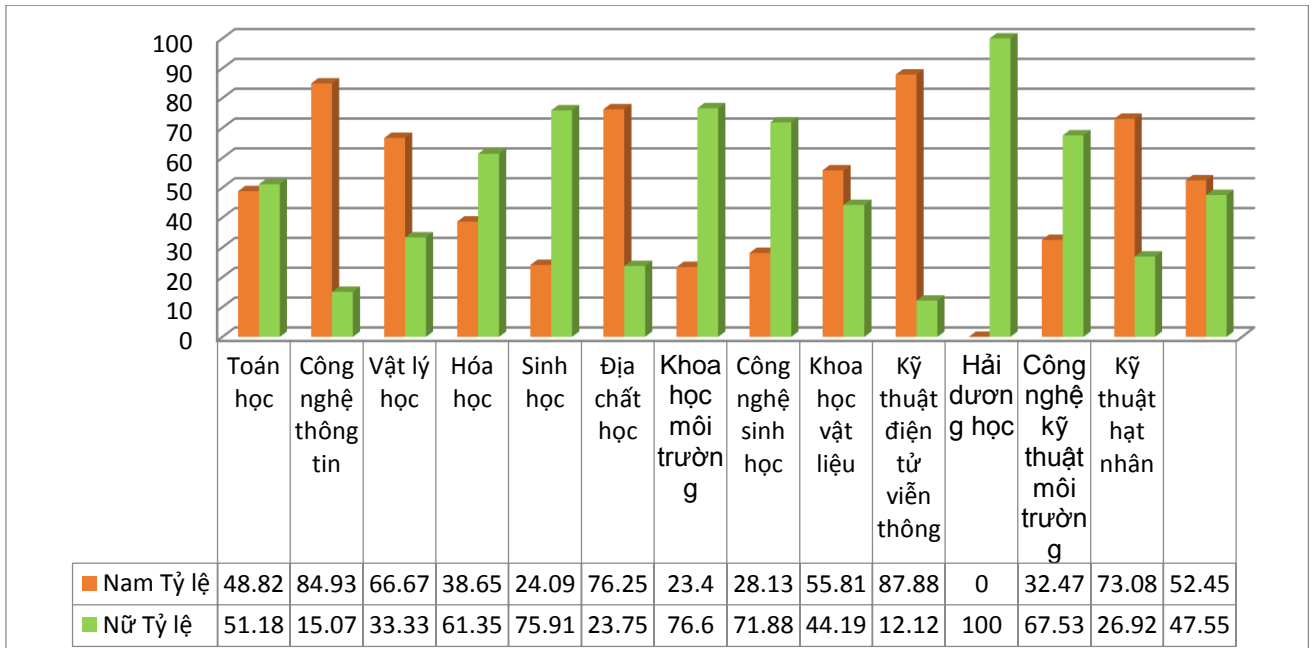
2.2. Về giới tính

- Thống kê theo giới tính tổng số sinh viên phản hồi khảo sát:

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ %
Nam	718	52.45
Nữ	651	47.55
Tổng	1,369	100

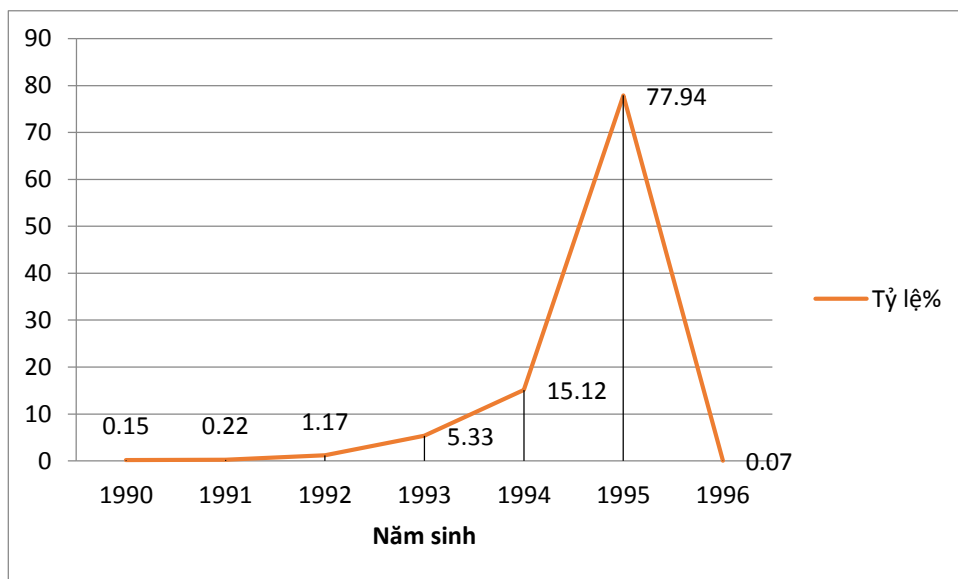
- Thống kê giới tính sinh viên phản hồi khảo sát theo ngành:

Ngành	Nam		Nữ		Tổng số SV phản hồi
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Toán học	62	48.82	65	51.18	127
Công nghệ thông tin	186	84.93	33	15.07	219
Vật lý học	76	66.67	38	33.33	114
Hóa học	63	38.65	100	61.35	163
Sinh học	33	24.09	104	75.91	137
Địa chất học	61	76.25	19	23.75	80
Khoa học môi trường	22	23.4	72	76.6	94
Công nghệ sinh học	36	28.13	92	71.88	128
Khoa học vật liệu	48	55.81	38	44.19	86
Kỹ thuật điện tử viễn thông	87	87.88	12	12.12	99
Hải dương học	0	0	19	100	19
Công nghệ kỹ thuật môi trường	25	32.47	52	67.53	77
Kỹ thuật hạt nhân	19	73.08	7	26.92	26
Tổng	718	52.45	651	47.55	1,369



2.3. Về độ tuổi (năm sinh)

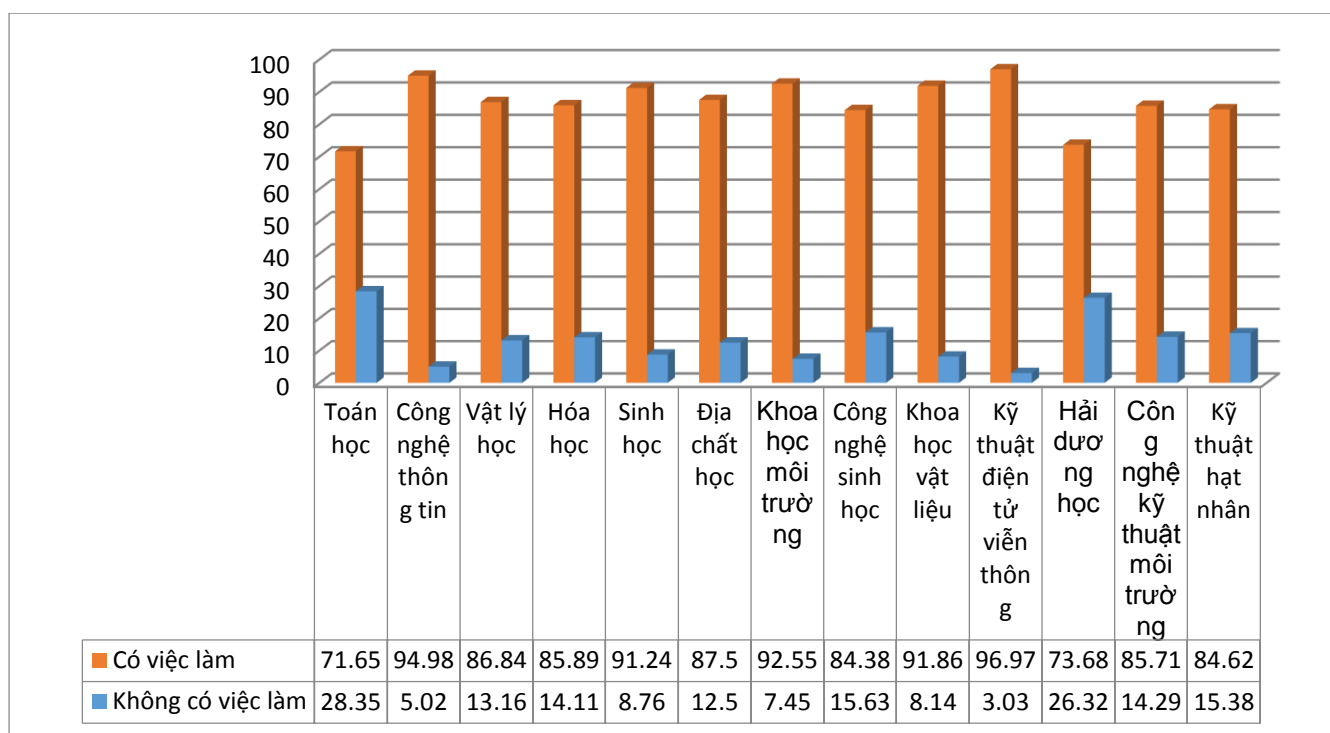
Năm sinh	Số lượng	Tỷ lệ %
1990	2	0.15
1991	3	0.22
1992	16	1.17
1993	73	5.33
1994	207	15.12
1995	1,067	77.94
1996	1	0.07
Tổng	1,369	100



2.4. Về tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp theo ngành đào tạo

- Thống kê sinh viên có việc làm theo ngành:

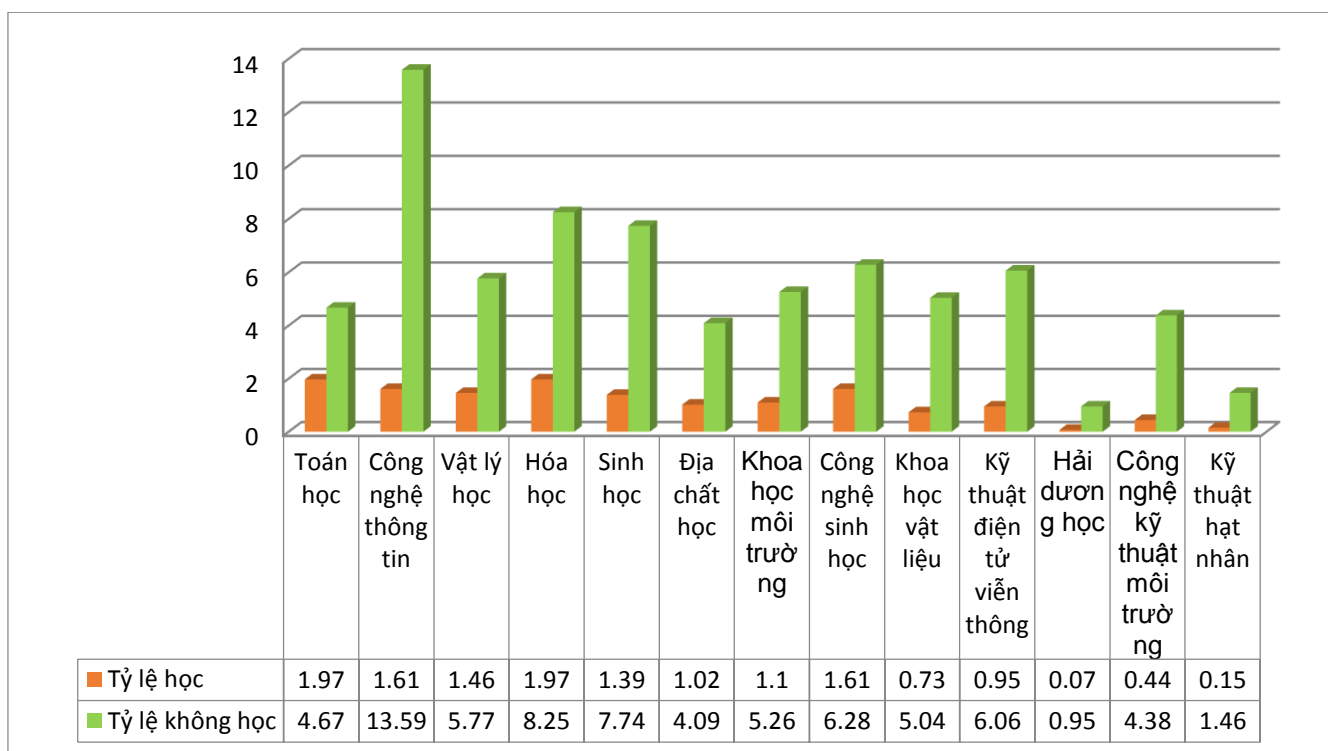
Ngành	Có việc làm		Không có việc làm		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Toán học	91	71.65	36	28.35	127
Công nghệ thông tin	208	94.98	11	5.02	219
Vật lý học	99	86.84	15	13.16	114
Hóa học	140	85.89	23	14.11	163
Sinh học	125	91.24	12	8.76	137
Địa chất học	70	87.5	10	12.5	80
Khoa học môi trường	87	92.55	7	7.45	94
Công nghệ sinh học	108	84.38	20	15.63	128
Khoa học vật liệu	79	91.86	7	8.14	86
Kỹ thuật điện tử viễn thông	96	96.97	3	3.03	99
Hải dương học	14	73.68	5	26.32	19
Công nghệ kỹ thuật môi trường	66	85.71	11	14.29	77
Kỹ thuật hạt nhân	22	84.62	4	15.38	26
Tổng	1,205	88.02	164	11.98	1,369



Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện tử truyền thông và ngành Công nghệ thông tin có việc làm rất cao (xấp xỉ 95%).

- Thống kê sinh viên tiếp tục học sau tốt nghiệp:
 - Đối với sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp:

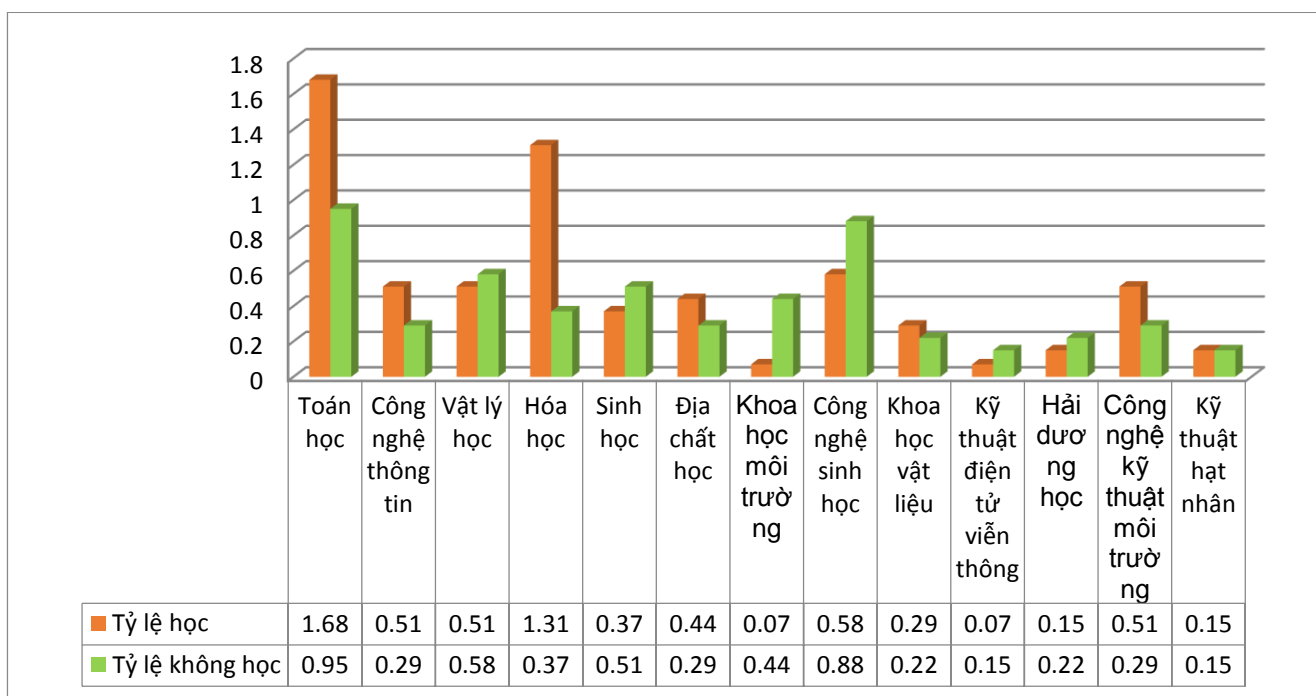
Tên ngành	Có việc làm					
	Tiếp tục học	Tỷ lệ % học	Không học	Tỷ lệ % không học	Tổng	Tỷ lệ
Toán học	27	1.97	64	4.67	91	6.65
Công nghệ thông tin	22	1.61	186	13.59	208	15.19
Vật lý học	20	1.46	79	5.77	99	7.23
Hóa học	27	1.97	113	8.25	140	10.23
Sinh học	19	1.39	106	7.74	125	9.13
Địa chất học	14	1.02	56	4.09	70	5.11
Khoa học môi trường	15	1.1	72	5.26	87	6.36
Công nghệ sinh học	22	1.61	86	6.28	108	7.89
Khoa học vật liệu	10	0.73	69	5.04	79	5.77
Kỹ thuật điện tử viễn thông	13	0.95	83	6.06	96	7.01
Hải dương học	1	0.07	13	0.95	14	1.02
Công nghệ kỹ thuật môi trường	6	0.44	60	4.38	66	4.82
Kỹ thuật hạt nhân	2	0.15	20	1.46	22	1.61
Tổng	198	14.46	1,007	73.56	1,205	88.02



Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin có việc làm có tỷ lệ không tiếp tục cao nhất trong các ngành (chiếm tỷ lệ 13.59 %), kể đến là sinh viên ngành Hóa học và ngành Sinh học.

- Đối với sinh viên không có việc làm sau tốt nghiệp:

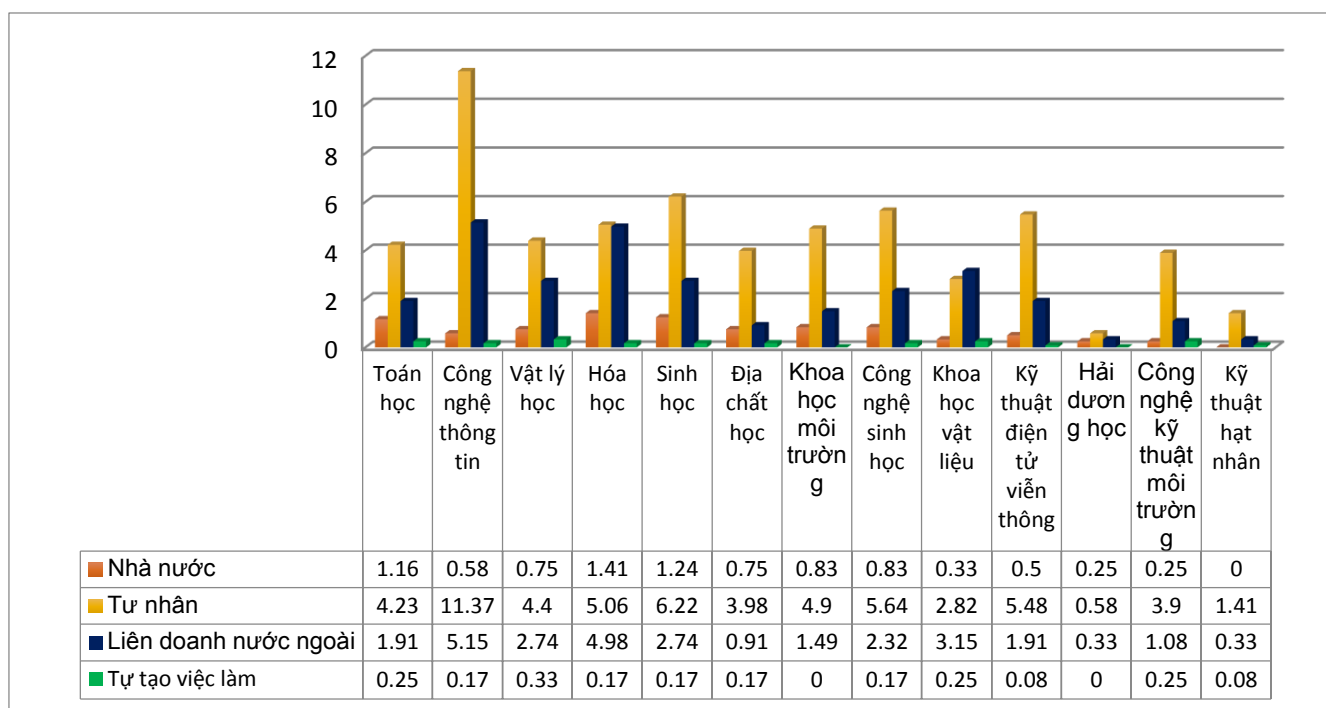
Ngành	Không có việc làm					
	Tiếp tục học	Tỷ lệ % học	Không học	Tỷ lệ % không học	Tổng	Tỷ lệ %
Toán học	23	1.68	13	0.95	36	2.63
Công nghệ thông tin	7	0.51	4	0.29	11	0.8
Vật lý học	7	0.51	8	0.58	15	1.1
Hóa học	18	1.31	5	0.37	23	1.68
Sinh học	5	0.37	7	0.51	12	0.88
Địa chất học	6	0.44	4	0.29	10	0.73
Khoa học môi trường	1	0.07	6	0.44	7	0.51
Công nghệ sinh học	8	0.58	12	0.88	20	1.46
Khoa học vật liệu	4	0.29	3	0.22	7	0.51
Kỹ thuật điện tử, truyền thông	1	0.07	2	0.15	3	0.22
Hải dương học	2	0.15	3	0.22	5	0.37
Công nghệ kỹ thuật môi trường	7	0.51	4	0.29	11	0.8
Kỹ thuật hạt nhân	2	0.15	2	0.15	4	0.29
Tổng	91	6.65	73	5.33	164	11.98



Theo số liệu thống kê về tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, có **1.205** sinh viên tốt nghiệp phản hồi có việc làm và **91** sinh viên tốt nghiệp không có việc làm nhưng tiếp tục học (tỷ lệ **94.67%**). Như vậy số lượng sinh viên thất nghiệp là **73** (chiếm tỷ lệ **5.33%**) trong tổng số sinh viên tốt nghiệp phản hồi.

2.5. Về loại hình đơn vị công tác

Ngành	Nhà nước		Tư nhân		Liên doanh nước ngoài		Tự tạo việc làm		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Toán học	14	1.16	51	4.23	23	1.91	3	0.25	91
Công nghệ thông tin	7	0.58	137	11.37	62	5.15	2	0.17	208
Vật lý học	9	0.75	53	4.4	33	2.74	4	0.33	99
Hóa học	17	1.41	61	5.06	60	4.98	2	0.17	140
Sinh học	15	1.24	75	6.22	33	2.74	2	0.17	125
Địa chất học	9	0.75	48	3.98	11	0.91	2	0.17	70
Khoa học môi trường	10	0.83	59	4.9	18	1.49	0	0	87
Công nghệ sinh học	10	0.83	68	5.64	28	2.32	2	0.17	108
Khoa học vật liệu	4	0.33	34	2.82	38	3.15	3	0.25	79
Kỹ thuật điện tử, truyền thông	6	0.5	66	5.48	23	1.91	1	0.08	96
Hải dương học	3	0.25	7	0.58	4	0.33	0	0	14
Công nghệ kỹ thuật môi trường	3	0.25	47	3.9	13	1.08	3	0.25	66
Kỹ thuật hạt nhân	0	0	17	1.41	4	0.33	1	0.08	22
Tổng	107	8.88	723	60	350	29.05	25	2.07	1,205

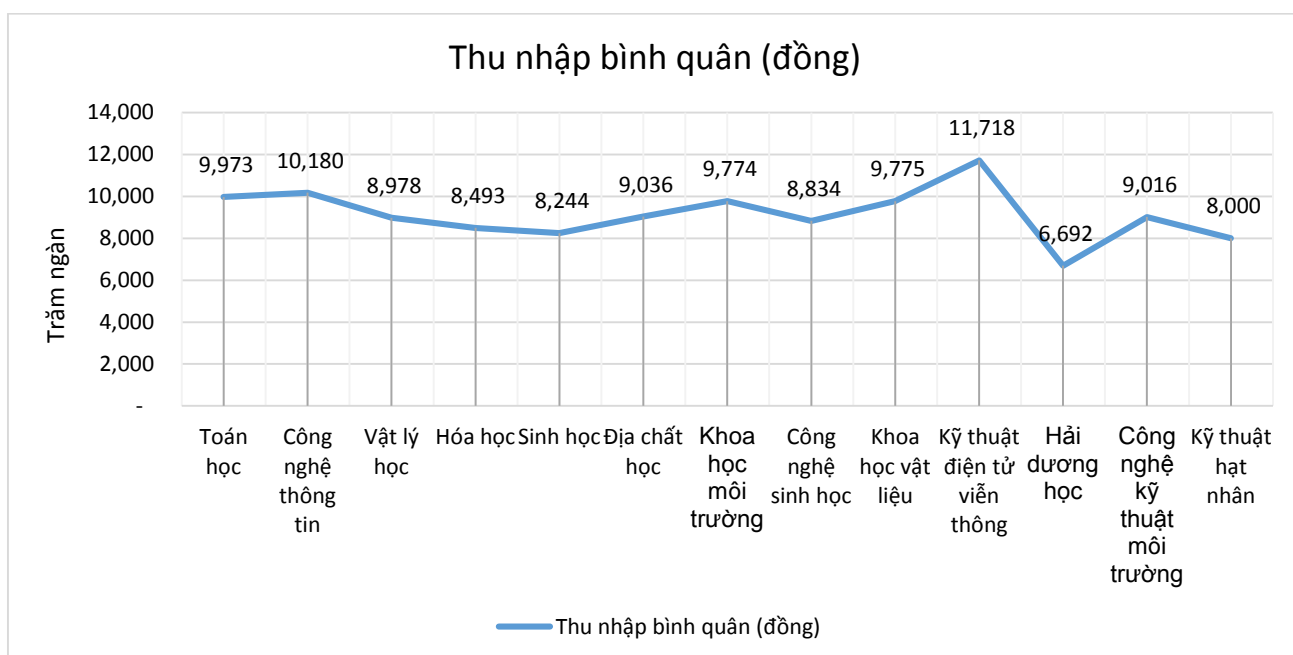


Như vậy, theo phản hồi khảo sát, đa số sinh viên tốt nghiệp năm 2017 đang làm việc tại doanh nghiệp tư nhân (tỷ lệ **60%**) và liên doanh nước ngoài (tỷ lệ **29.05%**), chỉ có **8.88%** sinh viên tốt nghiệp đang công tác trong các cơ quan nhà nước và **2.07%** sinh viên tự tạo việc làm.

2.6. Về mức thu nhập hàng tháng

- Thu nhập

Ngành	Thu nhập bình quân (đồng)
Toán học	9,973,000
Công nghệ thông tin	10,180,000
Vật lý học	8,978,000
Hóa học	8,493,000
Sinh học	8,244,000
Địa chất học	9,036,000
Khoa học môi trường	9,774,000
Công nghệ sinh học	8,834,000
Khoa học vật liệu	9,775,000
Kỹ thuật điện tử viễn thông	11,718,000
Hải dương học	6,692,000
Công nghệ kỹ thuật môi trường	9,016,000
Kỹ thuật hạt nhân	8,000,000
Bình quân	9,399,000

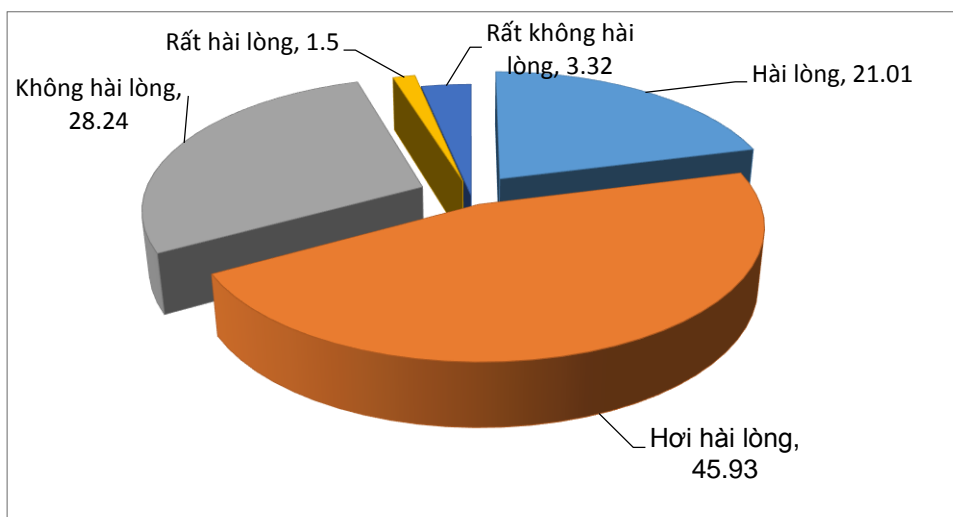


Về mức thu nhập hàng tháng, thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông là cao nhất với mức xấp xỉ là 11,700,000 đồng, thấp nhất là sinh viên ngành Hải dương học xấp xỉ 6,700,000 đồng.

Thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp năm 2017 Trường Đại học Khoa học Tự nhiên xấp xỉ 9,400,000 đồng.

- Đánh giá mức độ hài lòng về thu nhập hiện tại

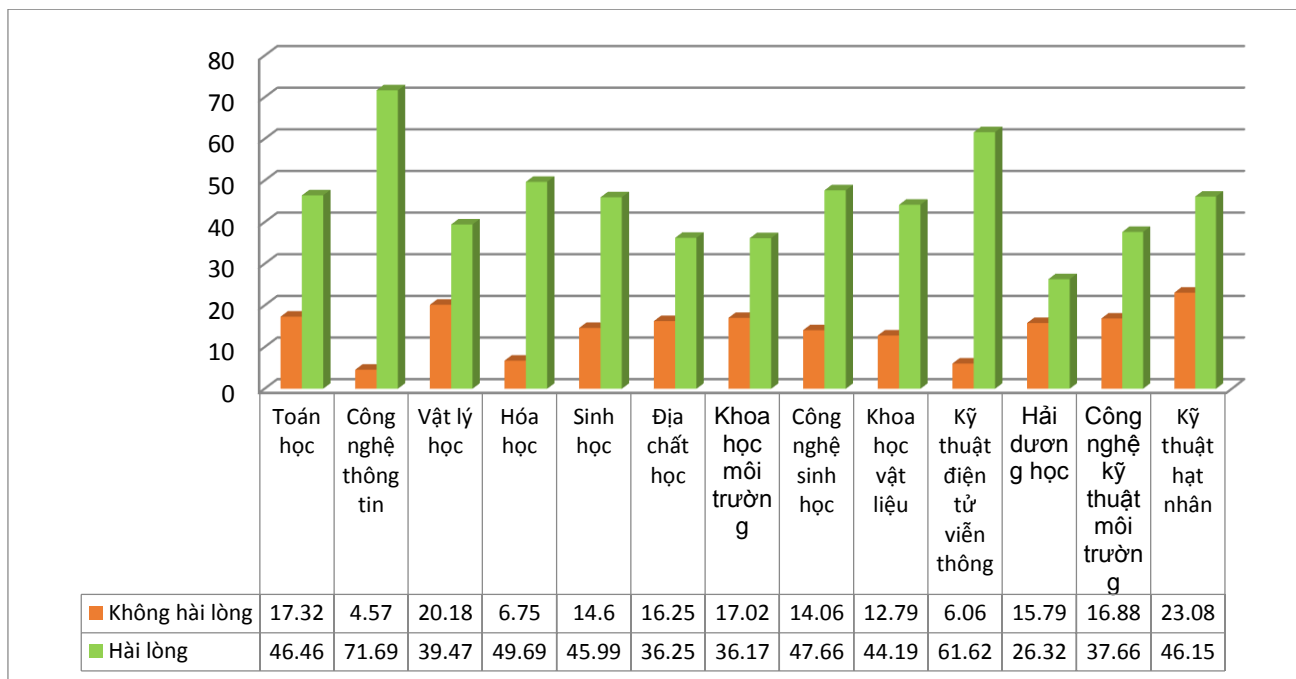
Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Hài lòng	253	21.01
Hơi hài lòng	553	45.93
Không hài lòng	340	28.24
Rất hài lòng	18	1.5
Rất không hài lòng	40	3.32
Tổng	1,204	100



Chỉ có 22.51% tổng số sinh viên hài lòng với thu nhập hiện tại còn tỷ lệ hơi hài lòng là 45.93% và tỷ lệ không hài lòng chiếm 31.56%.

2.7. Đánh giá mức độ hài lòng về công việc của sinh viên sau tốt nghiệp

Ngành	Tổng số phản hồi	Không hài lòng		Hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Toán học	127	22	17.32	59	46.46
Công nghệ thông tin	219	10	4.57	157	71.69
Vật lý học	114	23	20.18	45	39.47
Hóa học	163	11	6.75	81	49.69
Sinh học	137	20	14.6	63	45.99
Địa chất học	80	13	16.25	29	36.25
Khoa học môi trường	94	16	17.02	34	36.17
Công nghệ sinh học	128	18	14.06	61	47.66
Khoa học vật liệu	86	11	12.79	38	44.19
Kỹ thuật điện tử viễn thông	99	6	6.06	61	61.62
Hải dương học	19	3	15.79	5	26.32
Công nghệ kỹ thuật môi trường	77	13	16.88	29	37.66
Kỹ thuật hạt nhân	26	6	23.08	12	46.15
Tổng	1369	172	12.56	674	49.23



Hài lòng về công việc cao nhất là sinh viên ngành Công nghệ thông tin (71.69%), kế tiếp là ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông (61.62%), thấp nhất là sinh viên ngành Hải dương học (26.32%). Riêng sinh viên các ngành Địa chất học, Khoa học môi trường và Công nghệ kỹ thuật môi trường có tỷ lệ hài lòng chỉ xấp xỉ 36%.

III. CÁC ĐỀ XUẤT, CẢI TIẾN SAU KHẢO SÁT

1. Khó khăn khi thực hiện khảo sát

- Nhiều cựu sinh viên thay đổi địa chỉ email đã cung cấp tại thời điểm tốt nghiệp nên không nhận được link mời tham gia khảo sát, Trường phải liên lạc qua nhiều kênh khác (gọi điện thoại, liên lạc văn phòng Khoa ...) để nhắc sinh viên cung cấp địa chỉ email mới và thực hiện khảo sát.
- Chỉ có hơn 40% cựu sinh viên tích cực tham gia khảo sát trong khi theo quy định của Bộ GD&ĐT, phải xấp xỉ tối thiểu 70% tổng số cựu sinh viên phải phản hồi khảo sát.

2. Một số đề xuất, cải tiến sau khảo sát

- Bắt đầu từ năm học 2018-2019, Trường tổ chức thu thập thông tin của sinh viên năm cuối (email, số điện thoại) để có dữ liệu mới nhất phục vụ cho công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (tại thời điểm tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp 1 năm).

- Kết quả khảo sát sau khi phân tích sẽ kết hợp với kết quả khảo sát lấy ý kiến Giảng viên, doanh nghiệp/nhà tuyển dụng và báo cáo cho Ban Giám Hiệu, lãnh đạo các khoa nhằm rút kinh nghiệm về việc thiết kế chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội thông qua phản hồi của các bên liên quan (Giảng viên, Cựu sinh viên, doanh nghiệp), cụ thể:
 - Tăng cường kỹ năng cho sinh viên
 - Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực
 - Phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học
 - Gắn nội dung, chương trình đào tạo của trường với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.
 - Cải thiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác dạy – học.
 - Nhà trường định kỳ hàng năm thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp cũng như nhu cầu lao động của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường nhằm đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- ĐHQG-HCM
- Ban Giám Hiệu;
- Phòng Đào tạo;
- Phòng CTSV;
- BCN các Khoa;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Linh Thuớc

PHỤ LỤC 1

Link tham gia khảo sát: <http://ktdbcl.hcmus.edu.vn/khaosat/index.php/>

PHIẾU KHẢO SÁT CỰU SINH VIÊN

VỀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Nhằm khảo sát khả năng chuyên môn và mức độ đáp ứng công việc cũng như tình hình việc làm của các sinh viên/học viên sau khi tốt nghiệp, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM rất mong nhận được những ý kiến phản hồi của các Anh/Chị về các vấn đề được nêu dưới đây. Chúng tôi xin cam đoan các thông tin này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích khảo sát, kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường.

Có 14 câu hỏi trong khảo sát này.

THÔNG TIN KHẢO SÁT

* - Anh/Chị có tiếp tục học tập sau tốt nghiệp không ?

- Có
 Không

* - Bậc đào tạo sau khi tốt nghiệp đại học

📌 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Sau đại học Văn bằng 2 Khác

* - Nơi học tập

📌 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Hồ Chí Minh Hà Nội Đà Nẵng Tỉnh/Thành phố khác Ngoài nước

* - Đã học tập (tính từ thời điểm bắt đầu học tập đến thời điểm thực hiện khảo sát)

📌 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Dưới 3 tháng Từ 3 đến dưới 6 tháng Từ 6 đến dưới 9 tháng Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng Trên 1 năm

* - Anh/Chị có việc làm sau tốt nghiệp không ?

- Có
 Không

* - Thời gian có việc làm (tính từ thời điểm tốt nghiệp).

👉 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Ngay khi tốt nghiệp Dưới 3 tháng Từ 3 đến dưới 6 tháng Từ 6 đến dưới 9 tháng Sau 9 tháng

* - Khu vực làm việc

👉 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Nhà nước Liên doanh nước ngoài
 Tự nhân Tự tạo việc làm

* - Việc làm hiện tại của Anh/Chị có phù hợp với chuyên ngành đào tạo không?

👉 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Không Gần như không Gần phù hợp Phù hợp Rất phù hợp

* - Kiến thức và kỹ năng đã học ở trường có hữu ích cho công việc hiện tại của Anh/Chị không?

👉 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Không Gần như không Gần hữu ích Hữu ích Rất hữu ích

- Mức thu nhập hàng tháng của Anh/Chị khoảng bao nhiêu?(đơn vị triệu đồng)

👉 Chỉ có một giá trị số nguyên có thể được nhập vào ô này.

* - Anh/Chị có hài lòng với mức thu nhập hiện tại của mình không ?

👉 Chọn một trong những câu trả lời sau

- Rất không hài lòng Không hài lòng Hơi hài lòng Hài lòng Rất hài lòng



Đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường ĐH KHTN và tình hình việc làm của Anh/Chị hiện nay

Thang đánh giá	1	2	3	4	5
Mức độ hài lòng	0% - 20%	21% - 40%	41% - 60%	61% - 80%	81% - 100%

	1	2	3	4	5
Về kiến thức chuyên môn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Về kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Mức độ đáp ứng được công việc (không phải đào tạo lại)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu của trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Về sự phân bố và trình tự các môn học trong chương trình đào tạo của ngành học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Đánh giá mức độ hài lòng về ngành Anh/Chị đã học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Đánh giá chung về mức độ hài lòng của công việc	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

- Các ý kiến đóng góp khác

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT NĂM 2018

PHỤ LỤC 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM
CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2018